

Số: /TTr-UBND

Bình Phước, ngày tháng năm 2021

**DỰ THẢO**

**TỜ TRÌNH**

**Về việc thông qua Nghị quyết quy định mức chuẩn trợ giúp xã hội  
áp dụng trên địa bàn tỉnh Bình Phước**

Kính gửi: Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh.

Thực hiện quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020; Ủy ban nhân dân tỉnh trình Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua Nghị quyết quy định mức chuẩn trợ giúp xã hội áp dụng trên địa bàn tỉnh Bình Phước, như sau:

**I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH NGHỊ QUYẾT**

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội;

Căn cứ Thông tư số 02/2021/TT-BLĐTBXH ngày 24 tháng 6 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15/3/2021 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội;

Căn cứ Công văn số 2323/LĐTBXH-BTXH ngày 20 tháng 7 năm 2021 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội về việc đính chính kỹ thuật Thông tư số 02/2021/TT-LĐTBXH ngày 24 tháng 6 năm 2021.

Trong giai đoạn 2015- 2020, thực hiện Nghị định số 136/2013/NĐ-CP ngày 21/10/2013 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội và các Thông tư hướng dẫn của các bộ, ngành liên quan; UBND tỉnh đã triển khai đến các huyện, thị xã, thành phố trên địa bàn tỉnh đã trợ cấp thường xuyên tại cộng đồng cho 89,084 lượt đối tượng bảo trợ xã hội, với

kinh phí 387.882.622.000 đồng; hỗ trợ kinh phí chăm sóc nuôi dưỡng tại cộng đồng cho 4.008 lượt hộ gia đình, cá nhân nhận chăm sóc, nuôi dưỡng đối tượng bảo trợ xã hội tại cộng đồng với kinh phí 8.399.564.000 đồng; chăm sóc tại cơ sở bảo trợ xã cho 583 lượt đối tượng bảo trợ xã hội (người khuyết tật, người cao tuổi, trẻ em có hoàn cảnh khó khăn...) với kinh 5.469.524.815.000 đồng. Ngoài trợ cấp thường xuyên, các đối tượng còn được trợ giúp xã hội đột xuất tại cộng đồng như: đã hỗ trợ lương thực và nhu yếu phẩm thiết yếu từ nguồn ngân sách nhà nước cho 77.223 người; hỗ trợ chi phí điều trị người bị thương nặng, hỗ trợ chi phí mai táng cho 225 người; hỗ trợ làm nhà ở, sửa chữa nhà ở; hỗ trợ khẩn cấp đối với trẻ em khi cha, mẹ bị chết, mất tích do thiên tai, hỏa hoạn, dịch bệnh hoặc các lý do bất khả kháng khác cho 85 người với kinh phí 14.589.359.000 đồng.

Tuy vậy, trong quá trình thực hiện các quy định về chính sách trợ giúp xã hội có một số vấn đề cần nghiên cứu, bổ sung và hoàn thiện cho phù hợp với tình hình mới, như: mức chuẩn trợ cấp xã hội hàng tháng còn thấp, mới chỉ bảo đảm hỗ trợ được một phần nhu cầu thiết yếu, chưa tương đồng với chính sách khác, vẫn còn một bộ phận dân cư thật sự khó khăn chưa đảm bảo mức sống trung bình.

Ngày 15/3/2021, Chính phủ ban hành Nghị định số 20/2021/NĐ-CP quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội; nâng mức chuẩn trợ cấp, trợ giúp xã hội từ mức 270.000 đồng theo quy định tại Nghị định số 136/2013/NĐ-CP ngày 21/10/2013 lên mức 360.000 đồng, trong đó tại khoản 3, Điều 4 quy định:

*“Tùy thuộc điều kiện kinh tế - xã hội tại địa phương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định:*

*a) Mức chuẩn trợ giúp xã hội, mức trợ giúp xã hội áp dụng trên địa bàn bảo đảm không thấp hơn mức chuẩn trợ giúp xã hội và mức trợ giúp xã hội quy định tại Nghị định này.”*

Hướng dẫn tại điểm b, khoản 3, Điều 6 Thông tư số 02/2021/TT-BLĐTBXH ngày 24 tháng 6 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội: *“Căn cứ vào điều kiện kinh tế - xã hội của địa phương trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định mức chuẩn trợ giúp xã hội, mức trợ giúp xã hội áp dụng trên địa bàn cao hơn mức chuẩn trợ giúp xã hội và mức trợ giúp xã hội quy định tại Nghị định số 20/2021/NĐ-CP;*

Tuy nhiên, tại Công văn số 2323/LĐTBXH-BTXH của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội ngày 20/7/2021 về việc đính chính kỹ thuật Thông tư số 02/2021/TT-BLĐTBXH ngày 24/6/2021, mục 1 đính chính: *Tại điểm b, khoản 3, Điều 6, tại trang 5 dòng thứ 12 từ trên xuống viết là “...cao hơn..”; nay xin đính chính là “...bằng hoặc cao hơn...”*

Xuất phát từ căn cứ và tình hình thực tế nêu trên, việc trình Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết quy định mức chuẩn trợ giúp xã hội áp dụng trên địa bàn tỉnh Bình Phước là cần thiết.

## **II. MỤC ĐÍCH, QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG NGHỊ QUYẾT**

### **1. Mục đích**

Quy định mức chuẩn trợ giúp xã hội làm cơ sở cho các sở, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố và UBND cấp xã triển khai thực hiện công tác trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội theo quy định tại Nghị định số 20/2021/NĐ-CP.

### **2. Quan điểm**

Việc xây dựng phù hợp với các văn bản pháp luật hiện hành. Chỉ quy định những nội dung thuộc thẩm quyền của tỉnh, không quy định lại các nội dung đã được quy định tại văn bản Luật, Nghị định. Những nội dung không quy định tại Nghị quyết, thực hiện theo đúng quy định của Nghị định 20/2021/NĐ-CP.

Mức chuẩn trợ giúp xã hội, mức trợ giúp xã hội phải phù hợp với tình hình phát triển kinh tế - xã hội, khả năng cân đối ngân sách của tỉnh. Nguồn kinh phí thực hiện theo đúng quy định của Luật Ngân sách.

Đảm bảo chính sách được thực hiện ổn định, không tác động xấu đến kinh tế xã hội, không tăng thủ tục hành chính, không gây xáo trộn đời sống nhân dân.

## **III. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG VĂN BẢN**

Ngày 12/10/2021, Ủy ban nhân dân tỉnh có Công văn số 3452/UBND-TH về việc khẩn trương hoàn chỉnh hồ sơ trình HĐND tỉnh thông qua tại kỳ họp cuối năm 2021,

Sau khi dự thảo Nghị quyết được xây dựng, Sở Lao động – Thương binh và Xã hội đã có Công văn số /SLĐTBXH-QLLVXH ngày 13/10/2021 về việc lấy ý kiến đóng góp vào dự thảo Nghị quyết của HĐND tỉnh Quy định mức chuẩn trợ giúp xã hội áp dụng trên địa bàn tỉnh Bình Phước.

Đến ngày 23/10/2021, Sở Lao động – Thương binh và Xã hội đã nhận được văn bản góp ý của .... đơn vị với .... ý kiến góp ý (trong đó có ... ý kiến đề nghị điều chỉnh .... ý kiến thống nhất); .... ý kiến đóng góp trên công thông tin điện tử. Trên cơ sở ý kiến góp ý của các đơn vị Sở Lao động – Thương binh và Xã hội lập báo cáo tổng hợp, tiếp thu và giải trình ý kiến của các đơn vị.

Ngày /10/2021, Sở Lao động – Thương binh và Xã hội đã có Công văn số ..../SLĐTBXH-QLLVXH gửi Sở Tư pháp về việc thẩm định dự thảo Nghị quyết của HĐND tỉnh. Ngày .../10/2021, Sở Lao động – Thương binh và Xã hội nhận được Báo cáo số .../BC-STP ngày.../.../2021 của Sở Tư pháp về việc..... ; trên cơ sở các quy định của Pháp luật về đề nghị của Sở Tư pháp đối với dự thảo

Nghị quyết, Sở Lao động – Thương binh và Xã hội đã nghiên cứu, tiếp thu chỉnh sửa nội dung.

*(Kèm theo Bảng tổng hợp tiếp thu ý kiến góp ý)*

## **IV. BỐ CỤC VÀ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA DỰ THẢO**

**1. Bố cục:** Nghị quyết gồm 05 điều

Điều 1: Phạm vi điều chỉnh

Điều 2: Đối tượng áp dụng

Điều 3: Mức chuẩn trợ giúp xã hội

Điều 4. Kinh phí thực hiện

Điều 5: Tổ chức thực hiện

**2. Nội dung cơ bản của dự thảo Nghị quyết**

### **2.1. Phạm vi điều chỉnh**

Nghị quyết này quy định mức chuẩn trợ giúp xã hội áp dụng trên địa bàn tỉnh Bình Phước.

### **2.2. Đối tượng áp dụng**

1. Các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân được giao nhiệm vụ thực hiện chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội trên địa bàn tỉnh Bình Phước.

2. Đối tượng bảo trợ xã hội quy định tại Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15/3/2021 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội.

### **2.3. Mức chuẩn trợ giúp xã hội**

- Mức chuẩn trợ giúp xã hội là 360.000 đồng.

- Mức trợ giúp xã hội thực hiện theo Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15/3/2021 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội.

### **2.4. Kinh phí thực hiện**

Kinh phí thực hiện chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội được bố trí trong dự toán chi thường xuyên hàng năm của cơ quan, đơn vị được giao nhiệm vụ theo quy định hiện hành.

## **VI. NHỮNG VẤN ĐỀ XIN Ý KIẾN: Không**

Trên đây là Tờ trình xin thông qua Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định mức chuẩn trợ giúp xã hội áp dụng trên địa bàn tỉnh Bình Phước, kính trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết định.

*Xin gửi kèm theo Tờ trình:*

- Dự thảo Nghị quyết của HĐND tỉnh quy định mức chuẩn trợ giúp xã hội áp dụng trên địa bàn tỉnh Bình Phước.

- Báo cáo tổng hợp, giải trình tiếp thu ý kiến góp ý, thẩm định của các cơ quan, đơn vị.

- Tờ trình của Sở Lao động – Thương binh và Xã hội và văn bản của các đơn vị liên quan./.

***Nơi nhận:***

- Như trên;
- CT, PCT UBND tỉnh;
- Các Sở: TC, TP, LĐTBXH;
- LĐVP; các Phòng;
- Lưu: VT, KGVX ()

**CHỦ TỊCH**